

CBTT ngày 22/12/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22.12/CBTT- L18

"V/v: Báo cáo công bố thông tin"

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**
2. Mã chứng khoán: **L18**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 471 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, HN.
4. Điện thoại: 02 435526925 FAX: 02 43 8545721
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Đỗ Thị Nhung**
6. Nội dung của thông tin công bố:
6.1 Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 26 tháng 08 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 và bị đơn là: Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp Maksteel.
Địa chỉ Website đăng tải toàn văn báo cáo tài chính: **www.licogi18.com.vn**
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu CBTT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

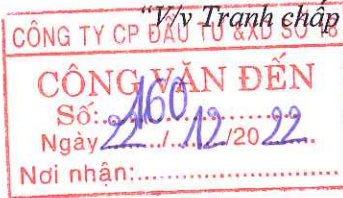


ĐỖ THỊ NHUNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS - ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2022



"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Vũ Minh Đón.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST – DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST – DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18; (gọi tắt là Công ty số 18); Địa chỉ trụ sở: Số 471 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thanh Tuyên - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phú Quý;

Địa chỉ trụ sở: Xóm Thượng, thôn Khê Tang, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Quang - Giám đốc. (Có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 240/UQTT/2020 ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Giấy ủy quyền số 118/UQTT/2022 ngày 23 tháng 5 năm 2022.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quang: Ông Lê Huy Cường và ông Lê Đức Khang - Cán bộ Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phú Quý; (Có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 38/UQLTT/2020 ngày 11 tháng 12 năm 2020

Đều có địa chỉ văn phòng: P1204, Tòa CT12C, Khu đô thị Kim Văn, Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

* Bị đơn: **Công ty cổ phần thiết bị Công nghiệp Maksteel** (gọi tắt là Công ty Maksteel);

Địa chỉ trụ sở: Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kiên Trung - Giám đốc; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Quốc Vinh - Cán bộ Công ty cổ phần thiết bị Công nghiệp Maksteel. (Có mặt tại phiên tòa ngày 23/8/2022, vắng mặt ngày 26/8/2022)

Theo Văn bản ủy quyền số: 2211/2021/QĐ-GĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty số 18 và Công ty Maksteel đã có quan hệ vay nợ như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 04 tháng 9 năm 2007, Công ty số 18 và Công ty Maksteel đã ký hợp đồng vay tín dụng số **01/07/HĐ** với nội dung: Công ty Maksteel vay Công ty số 18 với số tiền gốc là 5.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ ngày 04/9/2007 đến ngày 04/3/2008, lãi suất vay 0,9%/tháng tương đương 10,8%/năm. Ngoài ra còn phải trả lãi suất của người cho mượn tài sản thế chấp bằng 0,2%/tháng theo thỏa thuận đánh giá tài sản thế chấp của người cho mượn thế chấp và Công ty số 18.

Ngày 07/9/2007, Công ty số 18 đã chuyển tiền vay cho Công ty Maksteel số tiền 5.000.000.000 đồng tại Ủy nhiệm chi ngày 07/9/2007 với nội dung: Chuyển tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/07/HĐ ngày 04/9/2007.

Ngày 01/3/2008, Công ty Maksteel đã gửi công văn đề nghị gia hạn hợp đồng vay đến ngày 04/8/2008, Công ty số 18 đã đồng ý với đề nghị này của Công ty Maksteel.

Tính đến ngày 15/3/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18, số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi là 4.512.308.219 đồng, lãi suất cho mượn tài sản tính đến hết năm 2012 là 323.166.666 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 06/5/2008 Công ty Maksteel có Công văn số **86/TEC/08** với nội dung đề nghị Công ty số 18 cho vay số tiền 5.000.000.000 đồng với mục đích thực hiện hợp đồng gia công lắp đặt kết cấu thép, thời hạn

vay 2 tháng với lãi suất 1,6%/tháng. Ngày 19/5/2008 Công ty số 18 đã cho Công ty Maksteel vay số tiền 5.000.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 19/5/2008.

Tính đến ngày 15/3/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi là 7.341.881.278 đồng (lãi được tính từ khi vay cho đến ngày 31/12/2012 và từ ngày 01/4/2019 đến ngày 15/03/2022) với mức lãi suất theo thỏa thuận là 1,6%/tháng tương đương với 19,2%/năm.

Khoản vay thứ ba: Ngày 12/8/2008, Công ty Maksteel có văn bản số 161/IEC/08 với nội dung đề nghị Công ty số 18 cho vay số tiền 500.000.000 đồng với mục đích để thực hiện việc mua tôn lợp mái. Ngày 21/8/2008, Công ty số 18 đã cho Công ty Maksteel vay số tiền 500.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21/8/2008, lãi suất ngân hàng, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay.

Tính đến ngày 15/3/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18, số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi là 446.298.919 đồng (Mức lãi suất thả nổi) lãi được tính từ khi vay cho đến ngày 31/12/2012 và từ ngày 01/4/2019 đến ngày 15/3/2022.

Khoản vay thứ tư: Ngày 11/01/2009 Công ty Maksteel có văn bản đề nghị tạm ứng số 0109/ĐNTU/IEC/09 với nội dung đề nghị Công ty số 18 tạo điều kiện, tạm ứng cho Công ty Maksteel số tiền 500.000.000 đồng với mục đích để thanh toán chi phí nhân công, Công ty số 18 đã cho Công ty Maksteel vay số tiền 200.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21/01/2009, lãi suất thả nổi, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay.

Tính đến ngày 15/3/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi là 164.841.580 đồng (Mức lãi suất thả nổi) lãi được tính từ khi vay cho đến ngày 31/12/2012 và từ ngày 01/4/2019 đến ngày 15/3/2022.

Phí chuyển tiền các Hợp đồng là 1.400.000 đồng.

Công ty số 18 và Công ty Maksteel đã nhiều lần có văn bản trao đổi về việc thực hiện hợp đồng vay, phương án trả nợ gốc và lãi, cụ thể:

Ngày 16/12/2009 Công ty Maksteel có văn bản số 192/IEC/09 về việc đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay. Công ty Maksteel đề xuất điều chỉnh tiền lãi là 4%/năm. Ngày 22/12/2009, Công ty số 18 có văn bản số 246/CTCP-TCKT với nội dung không đồng ý hỗ trợ lãi vay cho Công ty Maksteel mà vẫn áp dụng mức lãi suất vay ngân hàng mà Công ty số 18 phải chịu.

Ngày 20/5/2013, Công ty Maksteel có văn bản số 25/IEC/13 về việc đề nghị không tính lãi suất vay khoản vay 10,7 tỷ đồng. Ngày 22/5/2013 Công ty số 18 có văn bản số 31/L18-TCKT về tính lãi vay vốn trả lời văn bản số 25/IEC/13 của Công ty Maksteel theo đó Công ty số 18 đồng ý không tính lãi khoản tiền vay 10,7 tỷ đồng từ ngày 01/01/2013.

Ngày 31/01/2019, Công ty số 18 và Công ty Maksteel đã đối chiếu công nợ, theo đó tính đến ngày 31/12/2018, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 là: Nợ gốc 10.700.000.000 đồng; lãi tiền vay là 8.305.624.457 đồng; các phí chuyển khoản, phí hồ sơ vay là 1.400.000 đồng. Tổng số là 19.007.024.457 đồng.

Ngày 01/4/2019, Công ty số 18 có văn bản số 28/CTCP/2019 yêu cầu Công ty Maksteel thanh toán toàn bộ số tiền vay bao gồm nợ gốc, lãi chậm thanh toán theo đúng đối chiếu công nợ là 19.007.024.457 đồng và thông báo Công ty số 18 sẽ tiếp tục tính lãi kể từ ngày 01/4/2019 với các hợp đồng và giao dịch vay vốn giữa hai bên.

Tính đến ngày 15/03/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 là Nợ gốc 10.700.000.000 đồng, lãi là 12.837.096.664 đồng, phí chuyển tiền là 1.400.000 đồng. Tổng gốc, lãi, phí chuyển tiền là 23.538.496.664 đồng. Công ty số 18 yêu cầu Công ty Maksteel phải thanh toán số tiền trên.

Ngoài ra tại Bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2010 giữa hai công ty còn chốt khoản tiền Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 là 48.600.000 đồng là lãi vay khoản tiền tạm ứng tính trên số tiền Công ty số 18 tạm ứng trước tiền công trình xây lắp (số tiền là 1.000.000.000 đồng) theo đề nghị của Công ty Maksteel, Công ty số 18 đề nghị Công ty Maksteel phải thanh toán trả số tiền này.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 23/5/2022 của Công ty số 18 thể hiện Công ty số 18 không yêu cầu Tòa án buộc Công ty Maksteel phải thanh toán một phần số nợ đã thể hiện tại đối chiếu công nợ và nằm trong yêu cầu khởi kiện cụ thể:

Lãi phí mượn tài sản thế chấp từ năm 2007 đến năm 2012, thể hiện tại Hợp đồng vay số 01/07/HĐ ngày 04/09/2007 với mức lãi là 0,2%/tháng trên số nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tương ứng với giá trị là 323.166.666 đồng;

Lãi khoản vay khác là lãi vay khoản tiền tạm ứng tính trên số tiền Công ty số 18 tạm ứng trước tiền công trình xây lắp (số tiền là 1.000.000.000 đồng) theo đề nghị của Công ty Maksteel số tiền là 48.600.000 đồng (mặc dù Công ty số 18 chưa nhận được số tiền này);

Phí chuyển tiền, phí hồ sơ vay: 1.400.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty số 18 không yêu cầu Công ty Maksteel phải thanh toán trả là 373.166.166 đồng.

Đại diện theo pháp luật của Bị đơn trình bày: Đại diện bị đơn Công ty Maksteel xác nhận các lần vay gồm 7/9/2007, ngày 19/5/2008, ngày 21/8/2008, ngày 21/01/2009 với tổng số tiền gốc vay 10.700.000.000 đồng của Công ty số 18 là đúng.

Đối với khoản vay thứ nhất với số tiền vay 5.000.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 01/07/HĐ ngày 04/9/2007, nhất trí lãi suất 0,9%/tháng tương đương 10,8%/năm, còn khoản lãi suất 0,2%/tháng trả cho người mượn tài sản

thể chấp bị đơn đề nghị nguyên đơn cung cấp thông tin về người cho mượn tài sản và đưa vào tham gia tố tụng, còn không có người cho mượn tài sản thể chấp thì bị đơn không nhất trí chi trả khoản lãi này.

Khoản vay thứ hai với số tiền 5.000.000.000 đồng theo văn bản số 86/IEC/08 ngày 06/5/2008, chỉ nhất trí mức lãi suất cơ bản là 8,75%/năm theo Quyết định số 978/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước tại thời điểm vay.

Khoản vay thứ ba với số tiền vay là 500.000.000 đồng theo Văn bản số 161/IEC/08 ngày 12/8/2008, đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này.

Khoản vay 200.000.000 đồng theo Văn bản số 0109 ngày 11/01/2009, bị đơn chỉ nhất trí trả gốc, không trả lãi.

Đối với khoản phí lập hồ sơ 1.400.000 đồng, bị đơn đề nghị nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh phí lập hồ sơ cụ thể.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Quang và ông Lê Huy Cường trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Công ty Maksteel phải thanh toán trả Công ty số 18 số tiền gốc đã vay là 10.700.000.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là: 13.147.964.792 đồng. Tổng cộng là 23.847.964.792 đồng.

Công ty số 18 không yêu cầu Công ty Maksteel phải thanh toán một phần số nợ đã thể hiện tại đối chiếu công nợ và nằm trong yêu cầu khởi kiện của Công ty số 18 cụ thể:

1. Lãi phí mượn tài sản thể chấp theo Hợp đồng vay số 01/07/HĐ ngày 04/09/2007 từ năm 2007 đến nay với lãi suất 0,2%/tháng;
2. Lãi khoản vay khác với số tiền tại văn bản chốt công nợ là 48.600.000 đồng;
3. Phí chuyển tiền, phí hồ sơ vay là: 1.400.000 đồng.

Đối với việc tính lãi suất của các khoản vay đề nghị HĐXX chấp nhận gồm:

+ Đối với hợp đồng vay số 01/07/HĐ ngày 04/09/2007 đề nghị tính theo lãi của Hợp đồng;

+ Ngoài ra các khoản vay khác chúng tôi nhất trí đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Quốc Vinh trình bày:

1. Đề nghị HĐXX xem xét tư cách ủy quyền của ông Lê Huy Cường và ông Lê Đức Khang.

2. Xác nhận khoản tiền gốc của Công ty Maksteel đã vay Công ty số 18 như đại diện theo ủy quyền của Công ty số 18 đã trình bày ở trên, với số tiền gốc đã vay là 10.700.000.000đồng.

3. Xác nhận số tiền lãi của Hợp đồng 01/07/HĐ ngày 04/9/2007 mà Công ty số 18 đề nghị Công ty Maksteel phải thanh toán với lãi suất theo Hợp đồng đã ký kết với lãi suất vay 0,9%/tháng tương đương 10,8%/năm. Không nhất trí thanh toán lãi suất mượn tài sản thế chấp là 0,2%/tháng.

4. Xác nhận số tiền gốc của khoản vay theo Công văn số 86/IEC/08 ngày 06/5/2008, không nhất trí với mức lãi suất 1,6%/tháng đề nghị HĐXX tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm vay là 8,75%/năm tương đương 0,9%/tháng theo Quyết định số 978 ngày 01/5/2008 của Ngân hàng nhà nước, nếu không được đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật.

5. Xác nhận số tiền gốc đã vay theo Công văn số 161/IEC/08 ngày 12/8/2008 và đề nghị HĐXX áp dụng lãi suất theo quy định của pháp luật, Công ty Maksteel không nhất trí với việc tính lãi suất thả nổi.

6. Xác nhận số tiền gốc đã vay theo Giấy đề nghị tạm ứng số 0109/ĐNTU/IEC/09 ngày 11/01/2009, đề nghị HĐXX xác định khoản vay này không có lãi còn nếu có thì đề nghị HĐXX áp dụng lãi suất theo quy định của pháp luật. Công ty Maksteel không nhất trí với việc tính lãi suất thả nổi.

7. Đề nghị HĐXX xác định mục đích vay của 04 hợp đồng này là để thực hiện Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2007 ngày 18/6/2007 đã được ký kết giữa Công ty số 18 và Công ty Maksteel.

8. Không nhất trí với yêu cầu của Công ty số 18 về việc yêu cầu Công ty Maksteel phải thanh toán trả khoản lãi 48.600.000đồng.

9. Nhất trí thanh toán trả Công ty số 18 phí lập hồ sơ là 1.400.000đồng.

* Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Yên Mỹ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thời hiệu khởi kiện: Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/01/2019, giữa Công ty số 18 và Công ty Maksteel, Công ty Maksteel do ông Nguyễn Kiêm Trung làm đại diện đã xác nhận Công ty Maksteel vay vốn thực hiện Hợp đồng số 01/HKKT số tiền là 10,7 tỷ đồng, số lãi phát sinh sẽ tính toán khi quyết toán công nợ nên mặc dù thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 nhưng việc hai bên xác nhận công nợ tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/01/2019, tức là Công ty Maksteel đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với Công ty số 18 làm khôi phục lại thời hiệu khởi kiện theo Điều 157 Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn Công ty Maksteel có trụ sở tại thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nên Công ty số 18 khởi kiện tại TAND huyện Yên Mỹ là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của ông Tô Quốc Vinh là đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án xác định lại tư cách đại diện ủy quyền của ông Lê Huy Cường và ông Lê Đức Khang. Tại phiên tòa ông Quang xác định vẫn ủy quyền lại cho ông Cường và ông Khang tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án này, phía ông Cường và ông Khang nhất trí đại diện theo ủy quyền của ông Quang tham gia tố tụng nên căn cứ vào Điều 138 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 việc ông Lê Huy Cường và ông Lê Đức Khang tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là Đại diện theo ủy quyền là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Đối với Hợp đồng vay tín dụng số 01/07/HĐ ngày 04 tháng 9 năm 2007, Công ty Maksteel vay số tiền 5.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ ngày 04/9/2007 đến ngày 04/3/2008, lãi suất vay 0,9%/tháng tương đương 10,8%/năm, lãi suất của người cho mượn tài sản thế chấp bằng 0,2%/tháng. Ngày 07/9/2007, Công ty số 18 đã chuyển tiền vay cho Công ty Maksteel số tiền 5.000.000.000 đồng tại Ủy nhiệm chi ngày 07/9/2007.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng trên là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về lãi cho vay phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt

quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng” và lãi suất cơ bản là 8,25%/năm theo Quyết định số 908/QĐ - NHNN ngày 27/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước nên việc thỏa thuận lãi suất 10,8%/năm tương đương với 0,9%/tháng là đúng pháp luật, bị đơn cũng nhất trí với mức lãi suất này nên cần chấp nhận.

Đối với lãi suất cho người mượn tài sản là 0,2%/tháng, tại bản tự khai bổ sung ngày 23/5/2022 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty số 18 không yêu cầu Công ty Maksteel phải thanh toán khoản tiền này và xin rút yêu cầu này, HĐXX thấy việc Công ty số 18 xin rút một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này của Công ty số 18, đình chỉ phần yêu cầu này của Công ty số 18 là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tính đến ngày 23/8/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi là 4.710.575.342 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 9.710.575.342 đồng (*Chín tỷ bảy trăm mười triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*).

[3.2]. Đối với Hợp đồng vay nợ theo Văn bản số 86/IEC/08 ngày 06/5/2008, Công ty Makstell vay số tiền 5.000.000.000 đồng với mục đích thực hiện hợp đồng gia công lắp đặt kết cấu thép, thời hạn vay 2 tháng với lãi suất 1,6%/tháng. Ngày 19/5/2008 Công ty số 18 đã cho Công ty Maksteel vay số tiền 5.000.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 19/5/2008.

Đại diện của bị đơn thống nhất số tiền gốc vay và không nhất trí với mức lãi suất 1,6%/tháng đề nghị HĐXX tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm vay là 8,75%/năm tương đương 0,9%/tháng theo Quyết định số 978 ngày 29/4/2008 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, nếu không được đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật. Đại diện của Nguyên đơn cũng nhất trí đề nghị HĐXX tính lãi suất của khoản vay này theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận của hai Công ty về lãi suất là không đúng pháp luật. Cả hai đều đề nghị tính theo quy định của pháp luật nên HĐXX sẽ căn cứ vào khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 476 quy định “*Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*” để tính lãi suất đối với khoản vay này kể từ thời điểm vay cho đến ngày 30/12/2012 và Kể từ 01/4/2019 lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 468 quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền*

vay....” Như vậy lãi suất từ 01/4/2019 đến ngày 23/8/2022 của khoản vay này sẽ được tính theo mức lãi suất thỏa thuận trong Văn bản số 86/IEC/08 ngày 06/5/2008, là 1,6%/tháng.

Bảng tính lãi chi tiết khoản vay số tiền gốc 5.000.000.000đồng theo Công văn số 86/IEC/08 ngày 06/05/2008 số tiền gốc vay kể từ thời điểm vay cho đến ngày 30/12/2012 theo các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời điểm cụ thể:

BẢNG TÍNH LÃI CỤ THỂ TỪ NGÀY 19/5/2008 ĐẾN NGÀY 30/12/2012:

ST T	Ngày tháng năm	Từ ngày	Đến ngày	Số dư vay	Lãi suất%/năm	Số ngày tính lãi	Tiền lãi	Quyết định của Ngân hàng
Theo Công văn số 86/IEC/08 ngày 06/05/2008 vay số tiền: 5.000.000.000 đồng								
1	Năm 2008						400.000.000	
	Nợ gốc vay			5.000.000.000				
	Lãi tháng 5	19/05/2008	31/05/2008	5.000.000.000	12,0 %	13	21.369.863	Theo QD 1099
	Lãi tháng 6	01/06/2008	10/06/2008	5.000.000.000	12,0 %	10	16.438.356	Theo QD 1257
		11/06/2008	30/06/2008	5.000.000.000	14,0 %	20	38.356.164	Theo QD 1317
	Lãi tháng 7	01/07/2008	31/07/2008	5.000.000.000	14,0 %	31	59.452.055	Theo QD 1434
	Lãi tháng 8	01/08/2008	31/08/2008	5.000.000.000	14,0 %	31	59.452.055	Theo QD 1727
	Lãi tháng 9	01/09/2008	30/09/2008	5.000.000.000	14,0 %	30	57.534.247	Theo QD 1906
	Lãi tháng 10	01/10/2008	20/10/2008	5.000.000.000	14,0 %	20	38.356.164	Theo QD 2131
		21/10/2008	31/10/2008	5.000.000.000	13,0 %	11	19.589.041	Theo QD 2316
	Lãi tháng 11	01/11/2008	04/11/2008	5.000.000.000	13,0 %	4	7.123.288	Theo QD 2316
		05/11/2008	20/11/2008	5.000.000.000	12,0 %	16	26.301.370	Theo QD 2559
		21/11/2008	30/11/2008	5.000.000.000	11,0 %	10	15.068.493	Theo QD 2809
	Lãi tháng 12	01/12/2008	04/12/2008	5.000.000.000	11,0 %	4	6.027.397	Theo QD 2809
		05/12/2008	21/12/2008	5.000.000.000	10,0 %	17	23.287.671	Theo QD 2948
		22/12/2008	31/12/2008	5.000.000.000	8,5%	10	11.643.836	Theo QD 3161
2	Năm 2009						360.616.438	
	Lãi tháng 1	01/01/2009	31/01/2009	5.000.000.000	8,5%	31	36.095.890	Theo QD 3161
	Lãi tháng 2	01/02/2009	28/02/2009	5.000.000.000	7,0%	28	26.849.315	Theo QD 172
	Lãi tháng 3	01/03/2009	31/03/2009	5.000.000.000	7,0%	31	29.726.027	Theo QD 378
	Lãi tháng 4	01/04/2009	30/04/2009	5.000.000.000	7,0%	30	28.767.123	Theo QD

								626
	Lãi tháng 5	01/05/2009	31/05/2009	5.000.000.000	7,0%	31	29.726.027	Theo QD 1015
	Lãi tháng 6	01/06/2009	30/06/2009	5.000.000.000	7,0%	30	28.767.123	Theo QD 1250
	Lãi tháng 7	01/07/2009	31/07/2009	5.000.000.000	7,0%	31	29.726.027	Theo QD 1539
	Lãi tháng 8	01/08/2009	31/08/2009	5.000.000.000	7,0%	31	29.726.027	Theo QD 1811
	Lãi tháng 9	01/09/2009	30/09/2009	5.000.000.000	7,0%	30	28.767.123	Theo QD 2024
	Lãi tháng 10	01/10/2009	31/10/2009	5.000.000.000	7,0%	31	29.726.027	Theo QD 2232
	Lãi tháng 11	01/11/2009	30/11/2009	5.000.000.000	7,0%	30	28.767.123	Theo QD 2459
	Lãi tháng 12	01/12/2009	31/12/2009	5.000.000.000	8,0%	31	33.972.603	Theo QD 2665
3	Năm 2010						407.808.219	
	Lãi tháng 1	01/01/2010	31/01/2010	5.000.000.000	8,0%	31	33.972.603	Theo QD 3180
	Lãi tháng 2	01/02/2010	28/02/2010	5.000.000.000	8,0%	28	30.684.932	Theo QD 134
	Lãi tháng 3	01/03/2010	31/03/2010	5.000.000.000	8,0%	31	33.972.603	Theo QD 353
	Lãi tháng 4	01/04/2010	30/04/2010	5.000.000.000	8,0%	30	32.876.712	Theo QD 618
	Lãi tháng 5	01/05/2010	31/05/2010	5.000.000.000	8,0%	31	33.972.603	Theo QD 1011
	Lãi tháng 6	01/06/2010	30/06/2010	5.000.000.000	8,0%	30	32.876.712	Theo QD 1311
	Lãi tháng 7	01/07/2010	31/07/2010	5.000.000.000	8,0%	31	33.972.603	Theo QD 1565
	Lãi tháng 8	01/08/2010	31/08/2010	5.000.000.000	8,0%	31	33.972.603	Theo QD 1819
	Lãi tháng 9	01/09/2010	26/09/2010	5.000.000.000	8,0%	26	28.493.151	Theo QD 1819
		27/09/2010	30/09/2010	5.000.000.000	8,0%	4	4.383.562	Theo QD 2281
	Lãi tháng 10	01/10/2010	31/10/2010	5.000.000.000	8,0%	31	33.972.603	Theo QD 2281
	Lãi tháng 11	01/11/2010	04/11/2010	5.000.000.000	8,0%	4	4.383.562	Theo QD 2561
		05/11/2010	30/11/2010	5.000.000.000	9,0%	26	32.054.795	Theo QD 2619
	Lãi tháng 12	01/12/2010	31/12/2010	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	Theo QD 2868
4	Năm 2011						450.000.000	Theo QD 2868
	Lãi tháng 1	01/01/2011	31/01/2011	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 2	01/02/2011	28/02/2011	5.000.000.000	9,0%	28	34.520.548	
	Lãi tháng 3	01/03/2011	31/03/2011	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 4	01/04/2011	30/04/2011	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	
	Lãi tháng 5	01/05/2011	31/05/2011	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 6	01/06/2011	30/06/2011	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	

	Lãi tháng 7	01/07/2011	31/07/2011	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 8	01/08/2011	31/08/2011	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 9	01/09/2011	30/09/2011	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	
	Lãi tháng 10	01/10/2011	31/10/2011	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 11	01/11/2011	30/11/2011	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	
	Lãi tháng 12	01/12/2011	31/12/2011	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
5	Năm 2012						- 451.232.877	Theo QD 2868
	Lãi tháng 1	01/01/2012	31/01/2012	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 2	01/02/2012	29/02/2012	5.000.000.000	9,0%	29	35.753.425	
	Lãi tháng 3	01/03/2012	31/03/2012	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 4	01/04/2012	30/04/2012	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	
	Lãi tháng 5	01/05/2012	31/05/2012	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 6	01/06/2012	30/06/2012	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	
	Lãi tháng 7	01/07/2012	31/07/2012	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 8	01/08/2012	31/08/2012	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 9	01/09/2012	30/09/2012	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	
	Lãi tháng 10	01/10/2012	31/10/2012	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Lãi tháng 11	01/11/2012	30/11/2012	5.000.000.000	9,0%	30	36.986.301	
	Lãi tháng 12	01/12/2012	31/12/2012	5.000.000.000	9,0%	31	38.219.178	
	Cộng lãi						2.069.657.534	

BẢNG TÍNH LÃI CHI TIẾT GÓC + LÃI TỪ NGÀY 01/04/2019 cho đến khi xét xử 23/8/2022

ST T	Ngày tháng năm	Từ ngày	Đến ngày	Số dư vay	Lãi suất	Số ngày	Tiền lãi	Ghi chú
	Theo Công văn số 86/IEC/08 ngày 06/05/2008 vay số tiền: 5.000.000.000 đồng							
				5.000.000.000	Lãi suất theo thỏa thuận 1,6%/tháng = 19,2%/năm			
1	Năm 2019						723.287.671	
	Lãi tháng 4	01/04/2019	30/09/2019	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 5	01/05/2019	31/05/2019	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 6	01/06/2019	30/06/2019	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 7	01/07/2019	31/07/2019	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 8	01/08/2019	31/08/2019	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 9	01/09/2019	30/09/2019	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 10	01/10/2019	31/10/2019	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 11	01/11/2019	30/11/2019	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 12	01/12/2019	31/12/2019	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
2	Năm 2020						962.630.137	
	Lãi tháng 1	01/01/2020	31/01/2020	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 2	01/02/2020	28/02/2020	5.000.000.000	19,2%	29	76.273.973	
	Lãi tháng 3	01/03/2020	31/03/2020	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 4	01/04/2020	30/04/2020	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 5	01/05/2020	31/05/2020	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 6	01/06/2020	30/06/2020	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 7	01/07/2020	31/07/2020	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	

	Lãi tháng 8	01/08/2020	31/08/2020	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 9	01/09/2020	30/09/2020	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 10	01/10/2020	31/10/2020	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 11	01/11/2020	30/11/2020	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 12	01/12/2020	31/12/2020	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
3	Năm 2021						960.000.000	
	Lãi tháng 1	01/01/2021	31/01/2021	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 2	01/02/2021	28/02/2021	5.000.000.000	19,2%	28	73.643.836	
	Lãi tháng 3	01/03/2021	31/03/2021	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 4	01/04/2021	30/04/2021	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 5	01/05/2021	31/05/2021	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 6	01/06/2021	30/06/2021	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 7	01/07/2021	31/07/2021	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 8	01/08/2021	31/08/2021	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 9	01/09/2021	30/09/2021	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 10	01/10/2021	31/10/2021	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 11	01/11/2021	30/11/2021	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 12	01/12/2021	31/12/2021	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
4	Năm 2022						618.082.192	
	Lãi tháng 1	01/01/2022	31/01/2022	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 2	01/02/2022	28/02/2022	5.000.000.000	19,2%	28	73.643.836	
	Lãi tháng 3	01/03/2022	31/03/2022	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 4	01/04/2022	30/04/2022	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 5	01/05/2022	31/05/2022	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 6	01/06/2022	30/06/2022	5.000.000.000	19,2%	30	78.904.110	
	Lãi tháng 7	01/07/2022	31/07/2022	5.000.000.000	19,2%	31	81.534.247	
	Lãi tháng 8	01/08/2022	23/08/2022	5.000.000.000	19,2%	23	60.493.151	
	Cộng lãi						3.264.000.000	

Bảng chữ: Ba tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng

Như vậy tính đến ngày 23 tháng 8 năm 2022 Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 theo Công văn số 86/IEC/08 ngày 06/05/2008 số tiền gốc 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), số tiền lãi là 2.069.657.534 + 3.264.000.000 = 5.333.657.534 đồng (Năm tỷ ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng)

[3.3]. Hợp đồng vay theo Văn bản số 161/IEC/08 ngày 12/8/2008, Công ty Maksteel vay số tiền 500.000.000 đồng với mục đích để thực hiện việc mua tôn lợp mái. Ngày 21/8/2008, Công ty số 18 đã cho Công ty Maksteel vay số tiền 500.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21/8/2008. Tại Văn bản số 161 Công ty số 18 đã xác nhận đồng ý giải quyết 500 triệu cho vay tiền lãi suất ngân hàng, Công ty Maksteel xác nhận số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và đề nghị áp dụng lãi suất theo quy định của pháp luật. Phía đại diện của Nguyên đơn cũng nhất trí đề nghị HĐXX áp dụng lãi suất của khoản vay này theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy việc hai công ty thỏa thuận lãi suất ngân hàng nhưng không nói rõ ngân hàng nào, văn bản cho vay không ghi cụ thể mức lãi suất nên sẽ áp dụng lãi suất theo quy định của pháp luật, HĐXX sẽ căn cứ vào khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất đối với khoản vay này kể từ thời điểm vay ngày 21/8/2008 cho đến ngày 30/12/2012 và Kể từ 01/4/2019 lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bảng tính lãi chi tiết khoản vay số tiền gốc 5.000.000.000đồng theo Công văn số Văn bản số 161/IEC/08 ngày 12/8/2008 số tiền gốc vay kể từ thời điểm vay 21/8/2008 cho đến ngày 30/12/2012 theo các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời điểm cụ thể:

ST T	Ngày tháng năm	Từ ngày	Đến ngày	Số dư vay	Lãi suất% /năm	Số ngày tính lãi	Tiền lãi	Quyết định của Ngân hàng về lãi suất qua các thời kỳ
Theo Công văn số 161/IEC/08 ngày 12/08/2008 vay số tiền: 500.000.000 đồng								
1	Năm 2008						22.410.959	
	Nợ gốc vay			500.000.000				
	Lãi tháng 8	21/08/2008	31/08/2008	500.000.000	14,0%	10	1.917.808	Theo QD 1727
	Lãi tháng 9	01/09/2008	30/09/2008	500.000.000	14,0%	30	5.753.425	Theo QD 1906
	Lãi tháng 10	01/10/2008	20/10/2008	500.000.000	14,0%	20	3.835.616	Theo QD 2131
		21/10/2008	31/10/2008	500.000.000	13,0%	11	1.958.904	Theo QD 2316
	Lãi tháng 11	01/11/2008	04/11/2008	500.000.000	13,0%	4	712.329	Theo QD 2316
		05/11/2008	20/11/2008	500.000.000	12,0%	16	2.630.137	Theo QD 2559
		21/11/2008	30/11/2008	500.000.000	11,0%	10	1.506.849	Theo QD 2809
	Lãi tháng 12	01/12/2008	04/12/2008	500.000.000	11,0%	4	602.740	Theo QD 2809
		05/12/2008	21/12/2008	500.000.000	10,0%	17	2.328.767	Theo QD 2948

		22/12/2008	31/12/2008	500.000.000	8,5%	10	1.164.384	Theo QD 3161
2	Năm 2009						36.061.644	
	Lãi tháng 1	01/01/2009	31/01/2009	500.000.000	8,5%	31	3.609.589	Theo QD 3161
	Lãi tháng 2	01/02/2009	28/02/2009	500.000.000	7,0%	28	2.684.932	Theo QD 172
	Lãi tháng 3	01/03/2009	31/03/2009	500.000.000	7,0%	31	2.972.603	Theo QD 378
	Lãi tháng 4	01/04/2009	30/04/2009	500.000.000	7,0%	30	2.876.712	Theo QD 626
	Lãi tháng 5	01/05/2009	31/05/2009	500.000.000	7,0%	31	2.972.603	Theo QD 1015
	Lãi tháng 6	01/06/2009	30/06/2009	500.000.000	7,0%	30	2.876.712	Theo QD 1250
	Lãi tháng 7	01/07/2009	31/07/2009	500.000.000	7,0%	31	2.972.603	Theo QD 1539
	Lãi tháng 8	01/08/2009	31/08/2009	500.000.000	7,0%	31	2.972.603	Theo QD 1811
	Lãi tháng 9	01/09/2009	30/09/2009	500.000.000	7,0%	30	2.876.712	Theo QD 2024
	Lãi tháng 10	01/10/2009	31/10/2009	500.000.000	7,0%	31	2.972.603	Theo QD 2232
	Lãi tháng 11	01/11/2009	30/11/2009	500.000.000	7,0%	30	2.876.712	Theo QD 2459
	Lãi tháng 12	01/12/2009	31/12/2009	500.000.000	8,0%	31	3.397.260	Theo QD 2665
3	Năm 2010						40.780.822	
	Lãi tháng 1	01/01/2010	31/01/2010	500.000.000	8,0%	31	3.397.260	Theo QD 3180
	Lãi tháng 2	01/02/2010	28/02/2010	500.000.000	8,0%	28	3.068.493	Theo QD 134
	Lãi tháng 3	01/03/2010	31/03/2010	500.000.000	8,0%	31	3.397.260	Theo QD 353
	Lãi tháng 4	01/04/2010	30/04/2010	500.000.000	8,0%	30	3.287.671	Theo QD 618
	Lãi tháng 5	01/05/2010	31/05/2010	500.000.000	8,0%	31	3.397.260	Theo

								QD 1011
	Lãi tháng 6	01/06/2010	30/06/2010	500.000.000	8,0%	30	3.287.671	Theo QD 1311
	Lãi tháng 7	01/07/2010	31/07/2010	500.000.000	8,0%	31	3.397.260	Theo QD 1565
	Lãi tháng 8	01/08/2010	31/08/2010	500.000.000	8,0%	31	3.397.260	Theo QD 1819
	Lãi tháng 9	01/09/2010	26/09/2010	500.000.000	8,0%	26	2.849.315	Theo QD 1819
		27/09/2010	30/09/2010	500.000.000	8,0%	4	438.356	Theo QD 2281
	Lãi tháng 10	01/10/2010	31/10/2010	500.000.000	8,0%	31	3.397.260	Theo QD 2281
	Lãi tháng 11	01/11/2010	04/11/2010	500.000.000	8,0%	4	438.356	Theo QD 2561
		05/11/2010	30/11/2010	500.000.000	9,0%	26	3.205.479	Theo QD 2619
	Lãi tháng 12	01/12/2010	31/12/2010	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	Theo QD 2868
4	Năm 2011						45.000.000	Theo QD 2868
	Lãi tháng 1	01/01/2011	31/01/2011	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 2	01/02/2011	28/02/2011	500.000.000	9,0%	28	3.452.055	
	Lãi tháng 3	01/03/2011	31/03/2011	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 4	01/04/2011	30/04/2011	500.000.000	9,0%	30	3.698.630	
	Lãi tháng 5	01/05/2011	31/05/2011	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 6	01/06/2011	30/06/2011	500.000.000	9,0%	30	3.698.630	
	Lãi tháng 7	01/07/2011	31/07/2011	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 8	01/08/2011	31/08/2011	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 9	01/09/2011	30/09/2011	500.000.000	9,0%	30	3.698.630	
	Lãi tháng 10	01/10/2011	31/10/2011	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 11	01/11/2011	30/11/2011	500.000.000	9,0%	30	3.698.630	
	Lãi tháng 12	01/12/2011	31/12/2011	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
5	Năm 2012						45.123.288	Theo QD 2868
	Lãi tháng 1	01/01/2012	31/01/2012	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 2	01/02/2012	29/02/2012	500.000.000	9,0%	29	3.575.342	
	Lãi tháng 3	01/03/2012	31/03/2012	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	
	Lãi tháng 4	01/04/2012	30/04/2012	500.000.000	9,0%	30	3.698.630	
	Lãi tháng 5	01/05/2012	31/05/2012	500.000.000	9,0%	31	3.821.918	

Lãi tháng 6	01/06/2012	30/06/2012	500.000.000	9,0%	30	3.698.630
Lãi tháng 7	01/07/2012	31/07/2012	500.000.000	9,0%	31	3.821.918
Lãi tháng 8	01/08/2012	31/08/2012	500.000.000	9,0%	31	3.821.918
Lãi tháng 9	01/09/2012	30/09/2012	500.000.000	9,0%	30	3.698.630
Lãi tháng 10	01/10/2012	31/10/2012	500.000.000	9,0%	31	3.821.918
Lãi tháng 11	01/11/2012	30/11/2012	500.000.000	9,0%	30	3.698.630
Lãi tháng 12	01/12/2012	31/12/2012	500.000.000	9,0%	31	3.821.918
Cộng lãi						189.376.712

BẢNG TÍNH LÃI CHI TIẾT GỐC + LÃI TỪ NGÀY 01/04/2019 đến ngày xét xử 23/8/2022

ST T	Ngày tháng năm	Từ ngày	Đến ngày	Số dư vay	Lãi suất% /năm	Số ngày tính lãi	Tiền lãi	Ghi chú
Theo Công văn số 161/IEC/08 ngày 12/08/2008 vay số tiền: 500.000.000 đồng								
1	Năm 2019						37.671.233	
	Lãi tháng 4	01/04/2019	30/09/2019	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 5	01/05/2019	31/05/2019	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 6	01/06/2019	30/06/2019	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 7	01/07/2019	31/07/2019	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 8	01/08/2019	31/08/2019	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 9	01/09/2019	30/09/2019	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 10	01/10/2019	31/10/2019	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 11	01/11/2019	30/11/2019	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 12	01/12/2019	31/12/2019	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
2	Năm 2020						50.136.986	
	Lãi tháng 1	01/01/2020	31/01/2020	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 2	01/02/2020	28/02/2020	500.000.000	10,0%	29	3.972.603	
	Lãi tháng 3	01/03/2020	31/03/2020	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 4	01/04/2020	30/04/2020	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 5	01/05/2020	31/05/2020	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 6	01/06/2020	30/06/2020	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 7	01/07/2020	31/07/2020	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 8	01/08/2020	31/08/2020	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 9	01/09/2020	30/09/2020	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 10	01/10/2020	31/10/2020	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 11	01/11/2020	30/11/2020	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 12	01/12/2020	31/12/2020	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
3	Năm 2021						50.000.000	
	Lãi tháng 1	01/01/2021	31/01/2021	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 2	01/02/2021	28/02/2021	500.000.000	10,0%	28	3.835.616	
	Lãi tháng 3	01/03/2021	31/03/2021	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 4	01/04/2021	30/04/2021	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 5	01/05/2021	31/05/2021	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 6	01/06/2021	30/06/2021	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 7	01/07/2021	31/07/2021	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	

	Lãi tháng 8	01/08/2021	31/08/2021	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 9	01/09/2021	30/09/2021	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 10	01/10/2021	31/10/2021	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 11	01/11/2021	30/11/2021	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 12	01/12/2021	31/12/2021	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
4	Năm 2022						32.054.795	
	Lãi tháng 1	01/01/2022	31/01/2022	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 2	01/02/2022	28/02/2022	500.000.000	10,0%	28	3.835.616	
	Lãi tháng 3	01/03/2022	31/03/2022	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 4	01/04/2022	30/04/2022	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 5	01/05/2022	31/05/2022	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 6	01/06/2022	30/06/2022	500.000.000	10,0%	30	4.109.589	
	Lãi tháng 7	01/07/2022	31/07/2022	500.000.000	10,0%	31	4.246.575	
	Lãi tháng 8	01/08/2022	23/08/2022	500.000.000	10,0%	23	3.150.685	
	Cộng lãi						169.863.014	

Tính đến ngày 23/8/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi là 359.239.726 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng)

[3.4]. Hợp đồng vay theo Giấy đề nghị tạm ứng số 0109/ĐNTU/IEC ngày 11/01/2009, số tiền vay 200.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21/01/2009, bị đơn xác nhận Công ty số 18 đã đồng ý cho vay 200 triệu đồng, hai bên không ghi số lãi cụ thể nhưng tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/10/2011, hai bên đã thống nhất tính lãi khoản vay này, tại phiên hòa giải ngày 15/3/2022 bị đơn không nhất trí trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất thả nổi. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật đối với khoản vay này.

Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận về lãi suất không rõ ràng tại Giấy đề nghị tạm ứng trên, nhưng hai bên đã thống nhất về lãi suất tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/10/2011 nên khoản vay trên có lãi là đúng. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất đối với khoản vay này kể từ thời điểm vay ngày 21/01/2009 cho đến ngày 30/12/2012 và Kể từ 01/4/2019 lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bảng tính lãi chi tiết khoản vay số tiền gốc 200.000.000 đồng theo Giấy đề nghị tạm ứng số 0109/ĐNTU/IEC ngày 11/01/2009 kể từ thời điểm vay cho đến ngày 30/12/2012 theo các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời điểm cụ thể:

S T T	Ngày tháng năm	Từ ngày	Đến ngày	Số dư vay	Lãi suất %/năm	Số ngày tính	Tiền lãi	Ghi chú
-------------	----------------	---------	----------	-----------	----------------	--------------	----------	---------

						lãi		
Theo đề nghị tạm ứng số 0109/ĐNTU/IEC/09 ngày 11/01/2009 vay số tiền: 200.000.000 đồng								
1	Năm 2009						13.446.575	
	Nợ gốc vay			200.000.000				
	Lãi tháng 1	21/01/2009	31/01/2009	200.000.000	8,5%	10	465.753	Theo QD 3161
	Lãi tháng 2	01/02/2009	28/02/2009	200.000.000	7,0%	28	1.073.973	Theo QD 172
	Lãi tháng 3	01/03/2009	31/03/2009	200.000.000	7,0%	31	1.189.041	Theo QD 378
	Lãi tháng 4	01/04/2009	30/04/2009	200.000.000	7,0%	30	1.150.685	Theo QD 626
	Lãi tháng 5	01/05/2009	31/05/2009	200.000.000	7,0%	31	1.189.041	Theo QD 1015
	Lãi tháng 6	01/06/2009	30/06/2009	200.000.000	7,0%	30	1.150.685	Theo QD 1250
	Lãi tháng 7	01/07/2009	31/07/2009	200.000.000	7,0%	31	1.189.041	Theo QD 1539
	Lãi tháng 8	01/08/2009	31/08/2009	200.000.000	7,0%	31	1.189.041	Theo QD 1811
	Lãi tháng 9	01/09/2009	30/09/2009	200.000.000	7,0%	30	1.150.685	Theo QD 2024
	Lãi tháng 10	01/10/2009	31/10/2009	200.000.000	7,0%	31	1.189.041	Theo QD 2232
	Lãi tháng 11	01/11/2009	30/11/2009	200.000.000	7,0%	30	1.150.685	Theo QD 2459
	Lãi tháng 12	01/12/2009	31/12/2009	200.000.000	8,0%	31	1.358.904	Theo QD 2665
2	Năm 2010						16.312.329	
	Lãi tháng 1	01/01/2010	31/01/2010	200.000.000	8,0%	31	1.358.904	Theo QD 3180
	Lãi tháng 2	01/02/2010	28/02/2010	200.000.000	8,0%	28	1.227.397	Theo QD 134
	Lãi tháng 3	01/03/2010	31/03/2010	200.000.000	8,0%	31	1.358.904	Theo QD 353
	Lãi tháng 4	01/04/2010	30/04/2010	200.000.000	8,0%	30	1.315.068	Theo QD 618
	Lãi tháng 5	01/05/2010	31/05/2010	200.000.000	8,0%	31	1.358.904	Theo QD 1011
	Lãi tháng 6	01/06/2010	30/06/2010	200.000.000	8,0%	30	1.315.068	Theo QD 1311
	Lãi tháng 7	01/07/2010	31/07/2010	200.000.000	8,0%	31	1.358.904	Theo QD 1565
	Lãi tháng 8	01/08/2010	31/08/2010	200.000.000	8,0%	31	1.358.904	Theo QD 1819
	Lãi tháng 9	01/09/2010	26/09/2010		8,0%	26		Theo QD

				200.000.000			1.139.726	1819
		27/09/2010	30/09/2010	200.000.000	8,0%	4	175.342	Theo QD 2281
	Lãi tháng 10	01/10/2010	31/10/2010	200.000.000	8,0%	31	1.358.904	Theo QD 2281
	Lãi tháng 11	01/11/2010	04/11/2010	200.000.000	8,0%	4	175.342	Theo QD 2561
		05/11/2010	30/11/2010	200.000.000	9,0%	26	1.282.192	Theo QD 2619
	Lãi tháng 12	01/12/2010	31/12/2010	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	Theo QD 2868
3	Năm 2011						18.000.000	Theo QD 2868
	Lãi tháng 1	01/01/2011	31/01/2011	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 2	01/02/2011	28/02/2011	200.000.000	9,0%	28	1.380.822	
	Lãi tháng 3	01/03/2011	31/03/2011	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 4	01/04/2011	30/04/2011	200.000.000	9,0%	30	1.479.452	
	Lãi tháng 5	01/05/2011	31/05/2011	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 6	01/06/2011	30/06/2011	200.000.000	9,0%	30	1.479.452	
	Lãi tháng 7	01/07/2011	31/07/2011	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 8	01/08/2011	31/08/2011	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 9	01/09/2011	30/09/2011	200.000.000	9,0%	30	1.479.452	
	Lãi tháng 10	01/10/2011	31/10/2011	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 11	01/11/2011	30/11/2011	200.000.000	9,0%	30	1.479.452	
	Lãi tháng 12	01/12/2011	31/12/2011	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
4	Năm 2012						18.049.315	Theo QD 2868
	Lãi tháng 1	01/01/2012	31/01/2012	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 2	01/02/2012	29/02/2012	200.000.000	9,0%	29	1.430.137	
	Lãi tháng 3	01/03/2012	31/03/2012	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 4	01/04/2012	30/04/2012	200.000.000	9,0%	30	1.479.452	
	Lãi tháng 5	01/05/2012	31/05/2012	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 6	01/06/2012	30/06/2012	200.000.000	9,0%	30	1.479.452	
	Lãi tháng 7	01/07/2012	31/07/2012	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 8	01/08/2012	31/08/2012	200.000.000	9,0%	31	1.528.767	
	Lãi tháng 9	01/09/2012	30/09/2012		9,0%	30	1.479.452	

				200.000.000			
	Lãi tháng 10	01/10/2012	31/10/2012	200.000.000	9,0%	31	1.528.767
	Lãi tháng 11	01/11/2012	30/11/2012	200.000.000	9,0%	30	1.479.452
	Lãi tháng 12	01/12/2012	31/12/2012	200.000.000	9,0%	31	1.528.767
	Cộng lãi						65.808.219

**BẢNG TÍNH LÃI CHI TIẾT GỐC + LÃI TỪ NGÀY 01/04/2019 đến
ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022**

S T T	Ngày tháng năm	Từ ngày	Đến ngày	Số dư vay	Lãi suất %/năm	Số ngày tính lãi	Tiền lãi	Ghi chú
Theo đề nghị tạm ứng số 0109/ĐNTU/IEC/09 ngày 11/01/2009 vay số tiền: 200.000.000 đồng								
				200.000.000				
1	Năm 2019						15.068.493	
	Lãi tháng 4	01/04/2019	30/09/2019	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 5	01/05/2019	31/05/2019	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 6	01/06/2019	30/06/2019	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 7	01/07/2019	31/07/2019	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 8	01/08/2019	31/08/2019	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 9	01/09/2019	30/09/2019	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 10	01/10/2019	31/10/2019	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 11	01/11/2019	30/11/2019	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 12	01/12/2019	31/12/2019	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
2	Năm 2020						20.054.795	
	Lãi tháng 1	01/01/2020	31/01/2020	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 2	01/02/2020	28/02/2020	200.000.000	10,0%	29	1.589.041	
	Lãi tháng 3	01/03/2020	31/03/2020	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 4	01/04/2020	30/04/2020	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 5	01/05/2020	31/05/2020	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 6	01/06/2020	30/06/2020	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 7	01/07/2020	31/07/2020	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 8	01/08/2020	31/08/2020		10,0%	31	1.698.630	

				200.000.000				
	Lãi tháng 9	01/09/2020	30/09/2020	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 10	01/10/2020	31/10/2020	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 11	01/11/2020	30/11/2020	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 12	01/12/2020	31/12/2020	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
3	Năm 2021						20.000.000	
	Lãi tháng 1	01/01/2021	31/01/2021	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 2	01/02/2021	28/02/2021	200.000.000	10,0%	28	1.534.247	
	Lãi tháng 3	01/03/2021	31/03/2021	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 4	01/04/2021	30/04/2021	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 5	01/05/2021	31/05/2021	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 6	01/06/2021	30/06/2021	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 7	01/07/2021	31/07/2021	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 8	01/08/2021	31/08/2021	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 9	01/09/2021	30/09/2021	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 10	01/10/2021	31/10/2021	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 11	01/11/2021	30/11/2021	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 12	01/12/2021	31/12/2021	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
4	Năm 2022						12.876.712	
	Lãi tháng 1	01/01/2022	31/01/2022	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 2	01/02/2022	28/02/2022	200.000.000	10,0%	28	1.534.247	
	Lãi tháng 3	01/03/2022	31/03/2022	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 4	01/04/2022	30/04/2022	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 5	01/05/2022	31/05/2022	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 6	01/06/2022	30/06/2022	200.000.000	10,0%	30	1.643.836	
	Lãi tháng 7	01/07/2022	31/07/2022	200.000.000	10,0%	31	1.698.630	
	Lãi tháng 8	01/08/2022	23/08/2022	200.000.000	10,0%	23	1.260.274	
	Cộng lãi						68.000.000	

Tính đến ngày 23/8/2022, Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 là số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 133.808.219 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc lãi Công ty Maksteel còn nợ Công ty số 18 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022 là: Số tiền gốc: 10.700.000.000 đồng (Mười tỷ bảy trăm triệu đồng), tiền lãi là: 10.537.280.822 đồng (Mười tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng). Tổng cộng cả số tiền gốc và lãi là: **21.237.280.822 đồng (Hai mươi một tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)**

[3.5]. Đối với khoản phí lập hồ sơ 1.400.000 đồng và số tiền lãi tạm ứng 48.600.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn xin rút không yêu cầu giải quyết đối với khoản phí và lãi này việc rút này là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu này của Công ty 18, đình chỉ phần yêu cầu này của Công ty số 18 là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của Công ty Maksteel đề nghị HĐXX xác định mục đích vay của 04 hợp đồng này là để thực hiện Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2007 ngày 18/6/2007 đã được ký kết giữa Công ty số 18 và Công ty Maksteel. HĐXX thấy tại Hợp đồng và các công văn đề nghị vay vốn, cũng như ủy nhiệm chi đều thể hiện rõ mục đích vay và cho vay cụ thể Hợp đồng tín dụng số 01/07/HĐ với nội dung: Công ty Maksteel vay Công ty số 18 với số tiền gốc là 5.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, tại Công văn số 86/IEC/08 với nội dung đề nghị Công ty số 18 cho vay số tiền 5.000.000.000 đồng với mục đích thực hiện hợp đồng gia công lắp đặt kết cấu thép, tại văn bản số 161/IEC/08 với nội dung đề nghị Công ty số 18 cho vay số tiền 500.000.000 đồng với mục đích để thực hiện việc mua tôn lợp mái. Văn bản số 0109 ngày 11/01/2009 tạm ứng 200.000.000 đồng để thanh toán tiền nhân công. Như vậy trong tất cả 04 văn bản đề nghị vay vốn của Công ty Maksteel không có thể hiện mục đích vay vốn để thực hiện Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2007 ngày 18/6/2007, chính vì vậy yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn Công ty số 18 phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận cụ thể: Công ty số 18 yêu cầu Công ty Maksteel phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022 tổng cộng là 23.847.964.792 đồng, tuy nhiên HĐXX thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty số 18 buộc Công ty Maksteel phải trả Công ty số 18 tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022 là **21.237.280.822 đồng như vậy số tiền Công ty số 18 khởi kiện không được chấp nhận là: 23.847.964.792 đồng - 21.237.280.822 đồng = 2.610.683.970 đồng** nên Công ty số 18 phải chịu án phí trên phần không được chấp nhận này theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty Maksteel phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 463, Điều 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.

Buộc Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp Maksteel phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022 là: Số tiền nợ gốc 10.700.000.000 đồng (*Mười tỷ bảy trăm triệu đồng*), số tiền lãi là: 10.537.280.822 đồng (*Mười tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*). Tổng cộng cả số tiền gốc và lãi là: **21.237.280.822 đồng** (*Hai mươi một tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp Maksteel còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty số 18 về việc không yêu cầu Công ty Maksteel phải trả lãi phí mượn tài sản thế chấp từ năm 2007 đến năm 2012, thể hiện tại Hợp đồng vay số 01/07/HĐ ngày 04/09/2007 với mức lãi là 0,2%/tháng trên số nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tương ứng với giá trị là 323.166.666 đồng; Lãi vay khoản tiền tạm ứng số tiền là 48.600.000 đồng; Phí chuyển tiền, phí hồ sơ vay: 1.400.000 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty số 18 không yêu cầu Công ty Maksteel phải thanh toán trả là **373.166.166 đồng** (*Ba trăm bảy mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

2. Về án phí: Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp Maksteel phải chịu số tiền 129.237.000 đồng (*một trăm hai mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 phải chịu số tiền án phí phần không được chấp nhận là: 84.213.000đồng (Tám mươi bốn triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) được đối trừ với số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003532 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện Yên Mỹ. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 còn phải chịu số tiền án phí là 19.213.000đồng (Mười chín triệu hai trăm mười ba nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THA huyện Yên Mỹ;
- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Phan Thị Nhiên